

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày 25-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 35/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 06/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng ; địa chỉ trụ sở: Số 97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A1-9 lô 8A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thu Thủy - Giám đốc chi nhánh Hải Phòng; Bà Nguyễn Thị Thanh Nga - Quyền Trưởng phòng Tiếp thị và Quan hệ khách hàng chi nhánh Hải Phòng; Bà Nguyễn Thị Thơm - Quyền Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng chi nhánh Hải Phòng; Ông Nguyễn Hữu Xương – Phó phòng thu hồi nợ xấu - Hội sở Ngân hàng; ông Nguyễn Duy Quyết - Trưởng bộ phận phòng thu hồi nợ xấu - Hội sở Ngân hàng; ông Phùng Ngọc Anh, bà Lê Thị Khánh Chi – Chuyên viên chính, Phòng thu hồi nợ xấu - Hội sở Ngân hàng. Bà Thơm, ông Quyết, bà Chi vắng mặt. Bà Thủy, bà Nga, ông Xương, ông Ngọc Anh có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền số 26/2025/UQ-BOE-LPD ngày 26/02/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng).

2. *Bị đơn*: Công ty SSE; Địa chỉ trụ sở: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Văn Hùng - Tổng Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TNHH INDOVINA do người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngân hàng TNHH INDOVINA có ký các hợp đồng tín dụng với Công ty SSE (viết tắt là Công ty SSE), cụ thể:

1. Khoản tín dụng 1:

Khoản vay hạn mức theo Thông báo tín dụng số 41/IVB HP - CR/2019 ngày 05/12/2019; Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019 và các phụ lục đi kèm giữa Chi nhánh Indovina bank thành phố Hải Phòng.

Số tiền vay: 10.000.000,00 USD (bằng chữ: Mười triệu Đôla Mỹ chẵn)

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, tài trợ nhập khẩu, mở thư tín dụng nhập khẩu (L/C) và phát hành thư bảo lãnh của Khách hàng

Thời hạn vay: 01 năm kể từ 24/12/2019

Thời hạn mỗi khoản giải ngân: 06 tháng kể từ ngày giải ngân

Lãi suất vay:

Lãi suất thả nổi thỏa thuận.

Lãi suất cho các khoản vay thuộc các gói tín dụng ưu đãi sẽ được Ngân hàng Indovina thông báo theo từng thời điểm cụ thể.

Lãi được tính trên cơ sở 365 ngày một năm, được tính từ ngày giải ngân và bao gồm ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán. Lãi được tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó.

Trong trường hợp chậm thanh toán lãi vay, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong trường hợp chậm thanh toán nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay hiện hành sẽ được tính trên số nợ gốc chậm thanh toán.

Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm được nêu tại mục II dưới đây.

2. Khoản tín dụng 2:

Căn cứ theo Thông báo tín dụng số 26/IVB HP - CR/2020 ngày 24/12/2020, Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 26CL/IVB HP - CR/2020 ngày 24/12/2020 và các phụ lục đi kèm, Ngân hàng đã cấp cho Công ty khoản tín dụng để tái tục hạn mức năm 2019 với thông tin chi tiết như sau:

Số tiền vay:

Từ 24/12/2020 đến 31/03/2021: Hạn mức tối đa là 230.000.000.000VND (bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng chẵn).

Từ 01/04/2021: Hạn mức tối đa là 184.000.000.000VND (bằng chữ: Một trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn). Kể từ 01/04/2021, Công ty chỉ được sử dụng hạn mức tín dụng khi Tổng số dư tín dụng không vượt quá 184.000.000.000VND.

(Tổng số dư tín dụng: bao gồm dư nợ vay, số dư BG và LC đến thời hạn)

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, tài trợ nhập khẩu, mở thư tín dụng nhập khẩu (L/C) và phát hành thư bảo lãnh của Khách hàng

Thời hạn vay: 01 năm kể từ 24/12/2020

Thời hạn mỗi khoản giải ngân: 06 tháng kể từ ngày giải ngân

Lãi suất vay: Lãi suất thỏa thuận, dựa trên công thức như sau:

$\text{Lãi suất cho vay} = \text{Lãi suất cơ sở} + \text{Biên độ}$

Trong đó: *Lãi suất cơ sở đối với từng kỳ hạn sẽ được thông báo bởi IVB.*

Biên độ các kỳ hạn cụ thể như sau:

Lãi Suất Cố Định			Lãi Suất Thả nổi (Điều chỉnh sau mỗi 1 tháng)		
1 Tháng	>1 tháng- 3 tháng	>3 tháng- 6 tháng	1 Tháng	>1 tháng- 3 tháng	>3 tháng- 6 tháng
2,70%	2,70%	2,88%	3,00%	3,00%	3,00%

Lãi suất sẽ được tự động điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất cơ sở từng thời điểm.

Ngày điều chỉnh lãi suất là ngày 01 tháng kế tiếp. Trong trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ lễ thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc liền

kề tiếp theo sau ngày nghỉ lễ.

Lãi suất cho các khoản vay thuộc các gói tín dụng ưu đãi sẽ được Ngân hàng thông báo theo từng thời điểm cụ thể.

Lãi được tính trên cơ sở 365 ngày một năm, được tính từ ngày giải ngân và bao gồm ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán. Lãi được tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó.

Trong trường hợp chậm thanh toán lãi vay, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong trường hợp chậm thanh toán nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay hiện hành sẽ được tính trên số nợ gốc chậm thanh toán.

Tài sản bảo đảm: nêu tại mục II dưới đây.

Tuy nhiên, Công ty chưa sử dụng hạn mức được cấp năm 2020. Toàn bộ dư nợ quá hạn hiện tại được giải ngân theo Thông báo tín dụng số 41/IVB HP - CR/2019 ngày 05/12/2019; Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019 và các phụ lục đi kèm tại Khoản tín dụng 1.

II. Tài sản bảo đảm để đảm bảo cho các Khoản tín dụng và tất cả các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến các khoản tín dụng nói trên tại Ngân hàng chi tiết như sau:

Tài sản đảm bảo là:

Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE như liệt kê trong Phụ Lục Danh Mục Tài Sản Đảm Bảo được đính kèm theo Hồ sơ khởi kiện, được bổ sung theo công văn số 37/IVB HP-CR ngày 17/12/2024.

Các quyền, lợi ích, khoản thanh toán bồi hoàn và các khoản mà Công ty SSE có thể nhận được sau thời điểm các Hợp đồng thế chấp được ký kết có hiệu lực liên quan đến Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE (bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thanh toán tiền bảo hiểm, ...) và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho tài sản đề cập tại Mục 1.1 và Mục 1.2 Điều 2 của các Hợp đồng thế chấp được ký kết.

Được xác lập bằng: Hợp đồng thế chấp tài sản số 41AM/IVB HP-CR/2019 ngày 05/12/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 26AM/IVB HP-CR/2020 ngày 24/12/2020 được ký kết giữa Công ty SSE và Chi nhánh Indovina Bank Thành phố Hải Phòng.

Đăng kí giao dịch đảm bảo:

Đăng ký cho Hợp đồng thế chấp số 41AM/IVB HP-CR/2019 ngày 05/12/2019: Số đơn đăng ký lần đầu 1359341907 ngày 21/01/2020.

Đăng ký cho Hợp đồng thế chấp số 26AM/IVB HP-CR/2020 ngày 24/12/2020: Số đơn đăng ký lần đầu 1405358064 ngày 24/02/2021

Năm 2019, theo Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019 Ngân hàng đã cấp cho Công ty SSE khoản vay hạn mức trị giá 10.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, tài trợ nhập khẩu, mở L/C, phát hành thư bảo lãnh.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, kể từ đầu tháng 1/2020 đến 23/12/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty SSE vay trong khoản hạn mức trên, Công ty SSE được duy trì tổng dư nợ tín dụng không vượt quá số tiền tương đương 10.000.000 USD (bằng chữ: Mười triệu Đôla Mỹ chẵn). Căn cứ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên:

Thời hạn các khoản vay không được quá 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn cho vay

Lãi vay sẽ được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng dựa trên số dư nợ thực tế.

Trong suốt thời gian năm 2020, Công ty SSE đã trả toàn bộ nợ lãi đến hạn hàng tháng. Tuy nhiên Công ty SSE bắt đầu chậm trả các khoản nợ gốc và lãi từ tháng 1 năm 2021, chi tiết như sau:

Tại thời điểm 01/01/2021: Công ty SSE có số dư nợ gốc là 230.269.180.720 VNĐ.

Từ ngày 07/01/2021 đến 28/06/2021: Công ty SSE đã trả nợ gốc với tổng số tiền là 631.245.036 VNĐ.

Ngày 10/02/2021: Khoản vay bị chuyển sang Nhóm 2 do Công ty SSE chậm trả lãi phần lớn lãi của tháng 1/2021 (đến hạn ngày 31/01/2021). Đến ngày 10/02/2021, số tiền lãi trong hạn của tháng 1/2021 bị chậm trả là 1.577.916.577 VNĐ

Ngày 01/03/2021: Công ty SSE tiếp tục không trả được lãi tháng 2/2021 (đến hạn ngày 28/02/2021), số tiền lãi trong hạn bị chậm trả là 1.437.407.858 VNĐ và đồng thời có khoản nợ gốc 3.759.660.623 VNĐ đến hạn thuộc Giấy nhận nợ số 35/2020.

Đối với dư nợ lãi, Công ty SSE chỉ thực hiện trả một phần như sau:

Lãi tháng 1/2021: thực hiện trả từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/04/2021 (trong đó phần lớn số tiền lãi tháng 1/2021 được trả vào ngày 01/04/2021), tổng số tiền lãi đã thanh toán là 1.612.697.063 VNĐ, trong đó lãi trong hạn là 1.586.810.604 VNĐ và lãi chậm trả là 25.886.459 VNĐ.

- Lãi tháng 2/2021: Công ty SSE thực hiện trả vào ngày 29/04/2021 cho Ngân hàng với tổng số tiền là 1.461.041.288 VNĐ (trong đó lãi trong hạn là 1.437.407.858 VNĐ, lãi chậm trả là 23.633.430 VNĐ)
- Lãi tháng 3/2021: thực hiện trả một phần vào ngày 29/04/2021, với tổng số tiền đã trả là 133.056.746 VNĐ (trong đó lãi trong hạn là 132.007.916 VNĐ, lãi chậm trả là 1.048.830 VNĐ)
- Lãi trong hạn và chậm trả tháng 4/2021, tháng 5/2021 và tháng 6/2021: chưa thanh toán

Tổng số tiền lãi mà Công ty SSE đã thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 01/02/2021 đến 29/04/2021 là 3.206.795.097 VNĐ (trong đó lãi trong hạn là 3.156.226.378 VNĐ và lãi chậm trả là 50.568.719 VNĐ).

Ngày 31/05/2021: Khoản vay bị chuyển sang Nhóm 3 do khoản nợ gốc đến hạn ngày 01/03/2021 nêu trên quá hạn trên 91 ngày.

Ngày 29/08/2021: Khoản vay bị chuyển sang Nhóm 4 do khoản nợ đến hạn ngày 01/03/2021 nêu trên quá hạn trên 181 ngày.

Ngày 29/11/2021: Khoản vay bị chuyển sang Nhóm 5 do chuyển nhóm nợ theo CIC do Công ty SSE có nợ Nhóm 5 tại TCTD khác (Ngân hàng ACB).

Chính vì Công ty SSE chậm trả các khoản nợ và bị chuyển nợ xấu, Ngân hàng đã không giải ngân cho Công ty SSE theo Hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký kết năm 2020.

Tính đến ngày 25/3/2025, Công ty SSE còn nợ:

+ Dư nợ gốc còn lại	: 229.637.935.684 đồng
+ Tổng lãi vay phát sinh	: 3.712.051.815 đồng
+ Lãi trên nợ gốc chậm trả	: 110.437.627.698 đồng
+ Lãi chậm trả đối với số dư lãi chậm trả	: 1.445.711.089 đồng
+ Tổng cộng	: 345.233.326.286 đồng

Trong đó: Toàn bộ nghĩa vụ trên thuộc Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019; Khách hàng chưa giải ngân theo Hợp đồng Tín dụng số 26CL/IVB HP - CR/2020 ngày 24/12/2020.

Ngay khi Khách hàng chậm trả lãi, Ngân hàng liên tục có các công văn

thông báo, nhắc nhở và đôn đốc trả nợ gửi đến Khách hàng cũng như làm việc trực tiếp với đại diện Công ty SSE. Ngân hàng đã thông báo cho Khách hàng nếu công ty không thể thực hiện được việc trả nợ, căn cứ vào các văn kiện thế chấp đã ký giữa các bên thì Ngân hàng sẽ tiến hành các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Việc Công ty SSE không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Thời gian quá hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2025 là 1417 ngày. Cụ thể, Công ty SSE đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 26CL/IVB HP - CR/2020 và vi phạm nội dung các Giấy cam kết trả nợ về nghĩa vụ trả nợ và thời hạn trả nợ.

Do đó, Ngân hàng TNHH INDOVINA đề nghị Tòa án:

Tuyên buộc Công ty SSE phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TNHH Indovina toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi vay theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể: Tính đến ngày 25/3/2025, tổng số tiền nợ là 345.233.326.286 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc còn lại	: 229.637.935.684 đồng
+ Tổng lãi vay phát sinh	: 3.712.051.815 đồng
+ Lãi trên nợ gốc chậm trả	: 110.437.627.698 đồng
+ Lãi chậm trả đối với số dư lãi chậm trả	: 1.445.711.089 đồng

Toàn bộ số nghĩa vụ nợ trên đây thuộc Hợp đồng hạn mức tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019.

Trong thời gian chưa hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TNHH Indovina, Công ty SSE tiếp tục phải chịu tiền lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 đã được các bên ký kết ngày 05/12/2019.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty SSE không thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng TNHH Indovina được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý, phát mại các tài sản thế chấp để thanh toán nghĩa vụ nợ còn thiếu của Công ty tại Ngân hàng TNHH Indovina. Tài sản thế chấp gồm:

Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE như liệt kê trong Phụ Lục Danh Mục Tài Sản Đảm Bảo được đính kèm theo Hồ sơ khởi kiện, được bổ sung theo công văn số 37/IVB HP-CR/2024 ngày 17/12/2024.

Các quyền, lợi ích, khoản thanh toán bồi hoàn và các khoản mà Công ty SSE có thể nhận được sau thời điểm các Hợp đồng thế chấp được ký kết có hiệu lực liên quan đến Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE (bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thanh toán tiền bảo hiểm, ...) và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho tài sản đề cập tại Mục 1.1 và Mục 1.2 Điều 2 của các Hợp đồng thế chấp được ký kết.

Nếu sau khi xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả hết nợ, Công ty SSE tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ với Ngân hàng TNHH Indovina.

Đối với bị đơn là Công ty SSE:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng đại diện Công ty SSE đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai; mặt khác, Công ty SSE cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 Công ty SSE đều vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 117, 119, 161, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 335, 336 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 357; 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 16 Điều 4; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng INDOVINA đối với bị đơn là Công ty SSE.

Buộc Công ty SSE phải thanh toán cho Ngân hàng INDOVINA số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/3/2025) là 345.233.326.286 đồng (bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm tỷ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm hai sáu nghìn hai trăm tám sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 229.637.935.684 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.712.051.815 đồng; Nợ lãi quá hạn (Lãi trên nợ gốc chậm trả): 110.437.627.698 đồng; Lãi trên số dư lãi chậm trả: 1.445.711.089 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty SSE không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm còn lại để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là Công ty SSE phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn là Ngân hàng INDOVINA số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Công ty SSE có địa chỉ trụ sở tại Km 9,

Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập họp lệ phiên tòa nhiều lần nhưng Công ty SSE vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty SSE phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 345.233.326.286 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

- Về hiệu lực của Hợp đồng:

[3.1] Các Hợp đồng tín dụng theo Thông báo tín dụng số 41/IVB HP - CR/2019 ngày 05/12/2019; Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019 và các phụ lục đi kèm và theo Thông báo tín dụng số 26/IVB HP - CR/2020 ngày 24/12/2020, Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 26CL/IVB HP - CR/2020 ngày 24/12/2020 và các phụ lục đi kèm trên được ký kết giữa Ngân hàng TNHH INDOVINA và Công ty SSE trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là những người có hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng. Nội dung thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ gốc, nợ lãi... là phù hợp với quy định không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TNHH INDOVINA đã giải ngân cho Công ty SSE số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 230.269.180.720 đồng theo đúng cam kết.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/3/2025 Công ty SSE đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 631.245.036 đồng; số tiền lãi là 3.026.795.097 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 3.156.226.378 đồng, lãi chậm trả là 50.568.719 đồng.

[3.3] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty SSE còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 345.233.326.286 đồng, trong đó: nợ gốc: 229.637.935.684 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.712.051.815 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi trên nợ gốc chậm trả): 110.437.627.698 đồng; lãi trên số dư lãi chậm trả: 1.445.711.089 đồng.

[4] Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH INDOVINA về việc buộc Công ty SSE phải thanh toán tổng số tiền 345.233.326.286 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý các tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty SSE không thanh toán được các khoản nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[5.1]. *Tài sản của Công ty SSE:*

[5.1.1] Hợp đồng thế chấp tài sản số 41AM/IVB HP-CR/2019 ngày 05/12/2019; Số đơn đăng ký lần đầu 1359341907 ngày 21/01/2020 và Hợp đồng thế chấp số 26AM/IVB HP-CR/2020 ngày 24/12/2020; Số đơn đăng ký lần đầu 1405358064 ngày 24/02/2021 được ký giữa Ngân hàng TNHH INDOVINA và Công ty SSE, bao gồm các tài sản: Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE, cụ thể:

I. Thiết bị cơ khí:

Sàn nạp phôi – 1 bộ;

Lò nung phôi – 1 cái;

Sàn con lăn ra, vào phôi – 1 bộ;

Máy đẩy 1 – 1 bộ;

Giá cán thô – 06 bộ;

Máy cắt K6 – 01 bộ;

Giá cán trung (K7-K16) -10 bộ;

Giá cán trung (K17-K18) – 02 bộ;

Bàn tạo chùng cán thanh -10 bộ; Bàn tạo chùng cán dây – 01 bộ;

Máy đẩy 2 – 01 bộ;

Máy cắt chặn trước BGV – 01 bộ;

Block – 01 bộ;

Hộp nước cán dây – 01 bộ;

Máy đẩy 3 – 01 bộ;

Máy tạo cuộn – 01 bộ;

Sàn ngội thép dây – 01 bộ;

Tạo cuộn hồ gom – 01 bộ;

Sàn con lăn chuyển cuộn - 01 bộ;

Tang chuyển cuộn – 14 cái;

Xe chuyển cuộn – 01 bộ;

Máy dầy 4 (Thép thanh)- 01 bộ;
Máy cắt phân đoạn – 01 bộ;
Sàn nguội thép thanh dài 78m- 01 bộ;
Máy cắt nguội – 01 bộ;
Sàn con lăn ra thép thanh – 01 bộ;
Sàn con lăn xích – 01 bộ;
Sàn gom thép thanh – 01 bộ;
Máy đóng bó tự động thép thanh - 01 cái;
Máy ép bó thép cuộn – 02 cái;
Máy đóng bó thép cuộn – 02 cái;
Cân điện tử - 01 bộ

II. Thiết bị Thủy khí:

Máy nén khí trục vít 75Kw (Atlasco) – 04 máy;
Máy sấy khí angstrom – 01 máy;
Máy tách nước Alfaraval – 01 máy;
Bơm TL lò A10VSO140DFR- 31/RPPB12-NOO (55Kw) – 04 cái;
Bơm tuần hoàn PSE-5210 (4.5Kw-4P-380V-50HZ) – 02 cái;
Bơm bàn lật thay trục cán 25V14A-1A-22R (18.5kw) – 01 cái;
Bơm dầu cán thô: ACF- 080-K4-IRBP(11kw-4P-380V-50HZ) – 02 cái;
Bơm dầu cán trung: ACF- 080-K4-IRBP(11kw-4P-380-50HZ) 03 cái;
Bơm TL giá cán A10VSO100DFR- 31/RPPB12-NOO (45Kw-4P-380V-50HZ) – 03 cái;
Bơm tuần hoàn 25V12A- 1A-22R (1.5Kw-4P-380V-50HZ)- 01 cái;
Bơm dầu BGV ACF-110- N4-IRBP(4.5Kw-4P-380V- 50HZ) – 03 cái;
Bơm dầu tạo cuộn ACG- 045-N6-IVBP(5.5Kw-4P-415V-50HZ) – 02 cái;
Bơm dầu bôi trơn con lăn BGV – 01 bộ;
Bơm TL sàn nguội A10VSO140DR- 31/RPPB12-NOO (55Kw-380V-50HZ) – 04 cái;
Bơm tuần hoàn ACGO70 K6 IVBE (7.5Kw-4P-380V-50HZ) (Lắp trên thùng dầu bôi trơn) – 01 cái;

III. Hệ thống làm mát:

- Bơm P1,P2,P2A : 2RBSHH4C(Q=490m³/h-n=1475v/f. P45Kw) – 03 cái;
- Bơm P4A: 2RBSGF3C(Q=240m³/h-n=2960v/f- P90Kw) – 01 cái;
- Bơm P4B : 10223020198 (Q=240m³/h-n=2960v/f- P90Kw) – 01 cái;
- Bơm P5A : 2RBSGF3C(Q=240m³/h-n=2960v/f- P90Kw) – 01 cái;
- Bơm P5B : 10223020197 (Q=250m³/h-n=2950V/f- P90Kw) – 01 cái;
- Bơm P6A :2RBSJH4C (Q400m³/h- n=1450V/f- P90Kw) – 01 cái;
- Bơm P6B : 200x150 FS4NA (Q500m³/h- n=1450V/f- P160Kw) – 01 cái;
- Bơm P6C : 200x150 FS4NA (Q500m³/h- n=1450V/f- P160Kw) – 01 cái;
- Bơm P7 : D5221-BCO (Q=200m³/h- n=2910V/f - P=15Kw) – 01 cái;
- Bơm P8,P9 : 2RBSHJ4C(Q=490m³/h- n=1475V/f - P=75Kw) – 02 cái;
- Bơm P10A : 2RBSGF3(Q=300m³/h- n=2950V/f - P=75Kw) – 01 cái;
- Bơm P10B :1376402010 (Q=300m³/h- n=2950V/f - P=75Kw) – 01 cái;
- Bơm P11(P6c) : DG5221CO (Q200m³/h, n=2950v/f , P=15Kw – 01 cái;
- Bơm P12 150x100FSKA(Q=250m³/h , n=2950v/f , P135Kw) – 01 cái;
- BơmP13 150x100FSKA(Q=250m³/h , n=2950v/f , P135Kw) – 01 cái;
- BơmP14 150x100FSKA(Q=250m³/h , n=2950v/f , P135Kw) – 01 cái;

IV. Hệ thống xử lý nước: Thiết bị xử lý nước – 01 hệ thống;

V. Thiết bị phụ trợ:

- Máy tiện T02 (Máy tiện trục cán) – 01 cái;
- Máy tiện L45 (Máy tiện trục cán) – 01 cái;
- Máy tiện L20 – 01 cái;
- Máy tiện D250xL800 – 01 cái;
- Máy tiện D400xL1500 – 01 cái;
- Máy khoan cần – 01 cái;
- Máy phay vằn trục cán cũ – 02 cái;
- Máy phay vằn trục cán – 01 cái;
- Máy phay vằn năng – 01 cái;
- Máy bào - 01 cái;
- Máy mài vòng cán BGV – 01 cái;

Máy mài 2 đá D400 - 01 cái;

Máy mài 2 đá D200 – 01 cái;

Máy cưa cần L400 – 01 cái;

Cầu trục 20T / 5T – 01 cái;

Cầu trục 10T/16.5m – 02 cái;

Cầu trục 10T/22.5m – 01 cái;

Cầu trục 16T – 02 cái;

VI. Hệ thống điện, điện điều khiển:

Tủ điều khiển BGV – 01 cái;

Tủ điều khiển động cơ BGV – 02 cái;

Tủ phân phối điện 30BB.D03 – 01 cái;

Tủ cắt 1600A – 01 cái;

Tủ cắt 1250A – 01 cái;

Tủ SHEAR SH3 – 01 cái;

Tủ STAND 13+14+15 (03 cái);

Tủ STAND 30E10 + DRM17 A0/A1/A2 (Tủ giá cán K16-K18) – 03 cái;

Tủ MPB 41-44 (01 cái);

Tủ MPB 53-54 (01 cái);

Tủ MPB 51-52 (01 cái);

Tủ MĐ 4 (Máy đẩy 4) – 01 cái;

Tủ Main Circuit Breaker 3- 50Hz (01 cái);

Tủ DC Link Power Supply – 01 cái;

Tủ Cooling bed main motor – 01 cái;

Tủ Cold Shear (CC330) main motor - A17 (01 cái);

Tủ MC I + II (Máy cắt 1+2) - 02 cái;

Tủ ĐVT A3 (01 cái);

Tủ 30BB.F10 (01 cái);

Tủ MĐ2 (Máy đẩy 2) – 01 cái;

Tủ ĐT 1 – 01 cái;

Tủ DCT Ra lò – 01 cái;

Tủ giá cán STAND 1+2+3+4+5+6+7+8+9+10+11+12+17+15 (14 cái);
Tủ 30BB.H01 (STAND 1- 8) + 30BB.H02 (STAND 9-14) – 02 cái;
Hệ thống tủ mạng, bao gồm: Tủ 30BB.L05 + L20 + L10 + L42 + L45 (5 cái); Tủ 30E40PLC01 (1 cái); Tủ 30E50PLC01 (1 cái)
Hệ thống tủ 30BB.E10 gồm 7 khoang – 01 cái
Tủ điều khiển Combustion Air Blow – 01 cái
Hệ thống tủ 30BB.E05 gồm 6 khoang – 01 cái
Tủ biến áp vào 720V ra 380V – 01 cái;
Tủ Incomer I + II (02 cái);
Tủ nguồn ra Outgoing 16MWA (01 cái);
Hệ thống tủ khu vực cán cuộn 30BB.D01 + D02 (Gồm 4 khoang, 12 ngăn) - 01 cái;
Tủ điều khiển PFC (02 cái);
Tủ điều khiển bơm cứu hỏa P1-PANEL (01 cái);
Tủ Battery CB CLORIDE (01 cái);
Tủ cắt – 10 cái;
Trạm biến áp T0 16MVA – 01 cái;
Máy biến áp 3150kVA - 04 cái;
Máy biến áp 3150kVA -02 cái;
Máy biến áp 2000kVA – 02 cái

VII. Hệ thống điện chiếu sáng:

Cột đơn – 16 cái;
Cột đôi – 4 cái;
Bóng đèn sợi đốt – 47 cái

VIII. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Bơm cứu hỏa 75KW – 02 cái;
Hệ thống đường ống, hộp cứu hỏa – 01 hệ thống;

IX. Hệ thống điều hoà trung tâm: 05 bộ

X. Hệ thống cân điện tử:

Hệ thống cân 10 tấn – 01 hệ thống;

Trạm cân 100 tấn – 01 hệ thống;

Trạm cân 120 tấn – 01 hệ thống;

XI. Thiết bị nhà điều hành trung tâm: Gồm 05 bộ máy tính

XII. Máy phát điện: 01 bộ;

XIII. Cáp ngầm 35 KV: 01 lô

Các quyền, lợi ích, khoản thanh toán bồi hoàn và các khoản mà Công ty SSE có thể nhận được sau thời điểm các Hợp đồng thế chấp được ký kết có hiệu lực liên quan đến Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE (bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thanh toán tiền bảo hiểm, ...) và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho tài sản đề cập tại các Hợp đồng thế chấp được ký kết.

[6] Các Hợp đồng thế chấp đối với các tài sản như trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nội dung của Hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Toàn bộ các Hợp đồng thế chấp tài sản trên đều đã thực hiện đầy đủ thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

[7] Toàn bộ các tài sản trên hiện vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng và Ngân hàng chưa thực hiện xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào còn lại. Vì vậy các hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật. Do đó Ngân hàng TNHH INDOVINA khởi kiện về việc xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên trong trường hợp Công ty SSE không thanh toán được các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Trường hợp Công ty SSE không trả được nợ, ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117, 119, 161, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 335, 336, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 16 Điều 4; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng INDOVINA đối với bị đơn là Công ty SSE.

1. Buộc Công ty SSE phải trả cho Ngân hàng INDOVINA theo Thông báo tín dụng số 41/IVB HP - CR/2019 ngày 05/12/2019; Hợp đồng tín dụng số 41CL/IVB HP-CR/2019 được ký ngày 05/12/2019 và các phụ lục đi kèm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2025 với tổng số tiền là 345.233.326.286 đồng (bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm hai sáu nghìn, hai trăm tám sáu đồng), trong đó:

+ Dư nợ gốc còn lại	: 229.637.935.684 đồng
+ Nợ lãi trong hạn	: 3.712.051.815 đồng
+ Lãi quá hạn (Lãi trên nợ gốc chậm trả)	: 110.437.627.698 đồng
+ Lãi trên số dư lãi chậm trả	: 1.445.711.089 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Trường hợp Công ty SSE không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng INDOVINA có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ (các tài sản hiện vẫn

đang được tập trung tại Công ty SSE; địa chỉ trụ sở: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng), gồm:

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng
I	Thiết bị cơ khí:		
1	Sàn nạp phôi	Bộ	1
2	Lò nung phôi	Cái	1
3	Sàn con lăn ra,vào phôi	Bộ	1
4	Máy đẩy 1	Bộ	1
5	Giá cán thô	Bộ	6
6	Máy cắt K6	Bộ	1
7	Giá cán trung (K7-K16)	Bộ	10
8	Giá cán trung (K17-K18)	Bộ	2
9	Bàn tạo chùng cán thanh	Bộ	10
10	Bàn tạo chùng cán dây	Bộ	1
11	Máy đẩy 2	Bộ	1
12	Máy cắt chặn trước BGV	Bộ	1
13	Block	Bộ	1
14	Hộp nước cán dây	Bộ	1
15	Máy đẩy 3	Bộ	1
16	Máy tạo cuộn	Bộ	1
17	Sàn nguội thép dây	Bộ	1
18	Tạo cuộn hồ gom	Bộ	1
19	Sàn con lăn chuyển cuộn	Bộ	1
20	Tang chuyển cuộn	Cái	14
21	Xe chuyển cuộn	Bộ	1
22	Máy đẩy 4 (Thép thanh)	Bộ	1

23	Máy cắt phân đoạn	Bộ	1
24	Sàn nguội thép thanh dài 78m	Bộ	1
25	Máy cắt nguội	Bộ	1
26	Sàn con lăn ra thép thanh	Bộ	1
27	Sàn con lăn xích	Bộ	1
28	Sàn gom thép thanh	Bộ	1
29	Máy đóng bó tự động thép thanh	Cái	1
30	Máy ép bó thép cuộn	Cái	2
31	Máy đóng bó thép cuộn	Cái	2
32	Cân điện tử	Bộ	1
II	Thiết bị thủy khí:		
1	Máy nén khí trục vít 75Kw (Atlasco)	Máy	4
2	Máy sấy khí angstrom	Máy	1
3	Máy tách nước Alfaraval	Máy	1
4	Bơm TL lò A10VSO140DFR- 31/RPPB12-NOO (55Kw)	Cái	4
5	Bơm tuần hoàn PSE-5210 (4.5Kw-4P-380V-50HZ)	Cái	2
6	Bơm bàn lật thay trục cán 25V14A-1A-22R (18.5kw)	Cái	1
7	Bơm dầu cán thô: ACF- 080-K4-IRBP(11kw-4P-380V-50HZ)	Cái	2
8	Bơm dầu cán trung :ACF- 080-K4-IRBP(11kw-4P-380V-50HZ)	Cái	3
9	Bơm TL giá cán A10VSO100DFR- 31/RPPB12-NOO (45Kw-4P-380V-50HZ)	Cái	3
10	Bơm tuần hoàn 25V12A- 1A-22R (1.5Kw-4P-380V-50HZ)	Cái	1
11	Bơm dầu BGV ACF-110- N4-IRBP(4.5Kw-4P-380V-50HZ)	Cái	3
12	Bơm dầu tạo cuộn ACG- 045-N6-IVBP(5.5Kw-4P-415V-50HZ)	Cái	2

13	Bơm dầu bôi trơn con lăn BGV	Bộ	1
14	Bơm TL sản nguội A10VSO140DR- 31/RPPB12-NOO (55Kw-380V-50HZ)	Cái	4
15	Bơm tuần hoàn ACGO70 K6 IVBE (7.5Kw-4P-380V-50HZ) (Lắp trên thùng dầu bôi trơn)	Cái	1
III	Hệ thống làm mát:		
1	Bơm P1,P2,P2A : 2RBSHH4C(Q=490m3/h- n=1475v/f. P45Kw)	Cái	3
2	Bơm P4A: 2RBSGF3C(Q=240m3/h-n=2960v/f- P90Kw)	Cái	1
3	Bơm P4B : 10223020198 (Q=240m3/h-n=2960v/f- P90Kw)	Cái	1
4	Bơm P5A : 2RBSGF3C(Q=240m3/h-n=2960v/f- P90Kw)	Cái	1
5	Bơm P5B : 10223020197 (Q=250m3/h-n=2950V/f- P90Kw)	Cái	1
6	Bơm P6A :2RBSJH4C (Q400m3/h- n=1450V/f- P90Kw)	Cái	1
7	Bơm P6B : 200x150 FS4NA (Q500m3/h- n=1450V/f- P160Kw)	Cái	1
8	Bơm P6C : 200x150 FS4NA (Q500m3/h- n=1450V/f- P160Kw)	Cái	1
9	Bơm P7 : D5221-BCO (Q=200m3/h- n=2910V/f - P=15Kw)	Cái	1
10	Bơm P8,P9 : 2RBSHJ4C(Q=490m3/h- n=1475V/f - P=75Kw)	Cái	2
11	Bơm P10A : 2RBSGF3(Q=300m3/h- n=2950V/f - P=75Kw)	Cái	1
12	Bơm P10B :1376402010 (Q=300m3/h- n=2950V/f - P=75Kw)	Cái	1
13	Bơm P11(P6c) : DG5221CO (Q200m3/h, n=2950v/f , P=15Kw.	Cái	1
14	Bơm P12 150x100FSKA(Q=250m3/h , n=2950v/f , P135Kw)	Cái	1

15	BomP13 150x100FSKA(Q=250m ³ /h , n=2950v/f , P135Kw)	Cái	1
16	BomP14 150x100FSKA(Q=250m ³ /h , n=2950v/f , P135Kw)	Cái	1
IV	Hệ thống Xử lý nước		
1	Thiết bị xử lý nước	01 hệ thống	1
V	Thiết bị phụ trợ:		
1	Máy tiện T02 (Máy tiện trục cán)	Cái	1
2	Máy tiện L45 (Máy tiện trục cán)	Cái	1
3	Máy tiện L20	Cái	1
4	Máy tiện D250xL800	Cái	1
5	Máy tiện D400xL1500	Cái	1
6	Máy khoan cần	Cái	1
7	Máy phay vắn trục cán cũ	Cái	1
8	Máy phay vắn trục cán cũ	Cái	1
9	Máy phay vắn trục cán	Cái	1
10	Máy phay vắn năng	Cái	1
11	Máy bào	Cái	1
12	Máy mài vòng cán BGV	Cái	1
13	Máy mài 2đá D400	Cái	1
14	Máy mài 2đá D200	Cái	1
15	Máy cưa cần L400	Cái	1
16	Cầu trục 20T / 5T	Cái	1
17	Cầu trục 10T/16.5m	Cái	1
18	Cầu trục 10T/16.5m	Cái	1
19	Cầu trục 10T/22.5m	Cái	1
20	Cầu trục 16T	Cái	1

21	Cầu trục 16T	Cái	1
VI	Hệ thống điện, điện điều khiển		
1	Tủ điều khiển BGV	Cái	1
2	Tủ điều khiển động cơ BGV	Cái	2
3	Tủ phân phối điện 30BB.D03	Cái	1
4	Tủ cắt 1600A	Cái	1
5	Tủ cắt 1250A	Cái	1
6	Tủ SHEAR SH3	Cái	1
7	Tủ STAND 13+14+15	Cái	3
8	Tủ STAND 30E10 + DRM17 A0/A1/A2 (Tủ giá cán K16-K18)	Cái	3
9	Tủ MPB 41-44	Cái	1
10	Tủ MPB 53-54	Cái	1
11	Tủ MPB 51-52	Cái	1
12	Tủ MĐ 4 (Máy đẩy 4)	Cái	1
13	Tủ Main Circuit Breaker 3- 50Hz	Cái	1
14	Tủ DC Link Power Supply	Cái	1
15	Tủ Cooling bed main motor	Cái	1
16	Tủ Cold Shear (CC330) main motor - A17	Cái	1
17	Tủ MC I + II (Máy cắt 1+2)	Cái	2
18	Tủ ĐVT A3	Cái	1
19	Tủ 30BB.F10	Cái	1
20	Tủ MĐ2 (Máy đẩy 2)	Cái	1
21	Tủ ĐT 1	Cái	1
22	Tủ DCT Ra lò	Cái	1
23	Tủ giá cán STAND 1+2+3+4+5+6+7+8+9+10+11+12+17+15	Cái	14

24	Tủ 30BB.H01 (STAND 1- 8) + 30BB.H02 (STAND 9-14)	Cái	2
25	Hệ thống tủ mạng bao gồm: - Tủ 30BB.L05 + L20 + L10 + L42 + L45 (5 cái) - Tủ 30E40PLC01 (1 cái) - Tủ 30E50PLC01 (1 cái)	Cái	7
26	Hệ thống tủ 30BB.E10 gồm 7 khoang	Cái	1
27	Tủ điều khiển Combustion Air Blow	Cái	1
28	Hệ thống tủ 30BB.E05 gồm 6 khoang	Cái	1
29	Tủ biến áp vào 720V ra 380V	Cái	1
30	Tủ Incomer I + II	Cái	2
31	Tủ nguồn ra Outgoing 16MVA	Cái	1
32	Hệ thống tủ khu vực cán cuộn 30BB.D01 + D02 (Gồm 4 khoang, 12 ngăn)	Cái	1
33	Tủ điều khiển PFC	Cái	2
34	Tủ điều khiển bơm cứu hỏa P1-PANEL	Cái	1
35	Tủ Battery CB CLORIDE	Cái	1
36	Tủ cắt	Cái	10
37	Trạm biến áp T0 16MVA	Cái	1
38	Máy biến áp 3150kVA	Cái	4
39	Máy biến áp 3150kVA	Cái	2
40	Máy biến áp 2000kVA	Cái	2
VII	Hệ thống điện chiếu sáng		
1	Cột đơn	Cái	16
2	Cột đôi	Cái	4
3	Bóng đèn sợi đốt	Cái	47
VIII	Hệ thống PCCC		
1	Bơm cứu hỏa 75KW	Cái	2
2	Hệ thống đường ống, hộp cứu hỏa	Hệ thống	1

IX	Hệ thống điều hòa trung tâm	Bộ	5
X	Hệ thống cân điện tử		
1	Hệ thống cân 10 tấn	Hệ thống	1
2	Trạm cân 100 tấn	Hệ thống	1
3	Trạm cân 120 tấn	Hệ thống	1
XI	Thiết bị nhà điều hành trung tâm Gồm 05 bộ máy tính	Bộ	5
XII	Máy phát điện	Bộ	1
XIII	Cáp ngầm 35 KV	Lô	1

Các quyền, lợi ích, khoản thanh toán bồi hoàn và các khoản mà Công ty SSE có thể nhận được sau thời điểm các Hợp đồng thế chấp được ký kết có hiệu lực liên quan đến Dây chuyền cán thép 250.000 tấn/năm (đã được nâng cấp lên 450.000 tấn/năm từ năm 2016) được sở hữu và sử dụng bởi Công ty SSE (bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thanh toán tiền bảo hiểm, ...) và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho tài sản đề cập trên của các Hợp đồng thế chấp được ký kết.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng TNHH Indovina còn thừa thì Ngân hàng TNHH Indovina có trách nhiệm trả lại cho bị đơn. Nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán mà còn thiếu thì bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TNHH Indovina.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là Công ty SSE phải chịu 453.233.326 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn là Ngân hàng INDOVINA số tiền 210.016.000 (Hai trăm mười triệu, không trăm mười sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai ký hiệu số 0002612 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, tự nguyện, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Quỳnh Như

Kết quả biểu quyết: 3/3=100%

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và nhất trí ký tên